

GIÁO DỤC DI SẢN VĂN HÓA VÀ THIÊN NHIÊN GẮN VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NINH

NGUYỄN THỊ NHUNG
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Nhận bài ngày 05/8/2026. Sửa chữa xong 04/9/2026. Duyệt đăng 12/9/2026.

Abstract

Cultural and natural heritage education provides an important foundation for fostering students' awareness of cultural preservation and social responsibility. This study examines the theoretical, legal, and practical foundations of heritage education in Quang Ninh Province. Despite the achievements associated with implementing the 2018 General Education Curriculum, several limitations remain, including insufficiently differentiated learning materials, largely formalistic experiential activities, and inconsistent coordination between schools and heritage site management boards. Accordingly, the article proposes strategic solutions involving the standardization of digital learning materials, the enhancement of teachers' field-based pedagogical competence, and the institutionalization of intersectoral coordination mechanisms. These measures are intended to help Quang Ninh effectively harness its cultural and natural heritage for sustainable development.

Keywords: 2018 General Education Curriculum, cultural and natural heritage, heritage education, Quang Ninh Province, sustainable development.

1. Đặt vấn đề

Di sản văn hóa (DSVH) và thiên nhiên là nguồn tư liệu có giá trị trong giáo dục, nhất là trong việc giúp học sinh (HS) hiểu về lịch sử, văn hóa và môi trường sống của địa phương. Thông qua việc tìm hiểu di sản, HS có thêm cơ hội hình thành ý thức giữ gìn các giá trị truyền thống và trách nhiệm với cộng đồng (Quốc hội, 2001, sửa đổi, bổ sung 2009; UNESCO, 2014). Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 quy định nội dung giáo dục địa phương và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục khai thác những giá trị văn hóa, lịch sử và tự nhiên của địa phương trong quá trình dạy học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Quảng Ninh có nhiều loại hình di sản, trong đó có Vịnh Hạ Long, khu di tích danh thắng Yên Tử, các di tích quốc gia đặc biệt và những giá trị gắn với lịch sử khai thác than, văn hóa biển đảo (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, 2020–2023; Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh, 2022; Tỉnh ủy Quảng Ninh, 2023). Hệ thống di sản này tạo điều kiện thuận lợi để các trường học khai thác lịch sử, văn hóa và tự nhiên của địa phương trong quá trình dạy học và thực hiện các hoạt động trải nghiệm. Tuy nhiên, hiện nay việc tổ chức giáo dục di sản giữa các trường trên địa bàn tỉnh chưa đồng đều. Học liệu dành cho giáo viên (GV) và HS còn hạn chế, không phải nội dung nào cũng được thiết kế phù hợp với từng cấp học. Một số hoạt động tham quan, trải nghiệm chủ yếu vẫn thiên về nghe giới thiệu và tham quan, trong khi nhà trường phải tính đến thời gian học tập, kinh phí và yêu cầu bảo đảm an toàn cho HS. Việc phối hợp giữa trường học với các đơn vị quản lý di tích cũng chưa thật thuận lợi, nhất là về kinh phí, kế hoạch tổ chức và trách nhiệm của từng bên (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, 2023; Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh, 2022).

Giáo dục di sản đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu, nhưng các công trình nghiên cứu trước đó thường tập trung vào một phương pháp dạy học hoặc một địa phương cụ thể. Với Quảng Ninh, việc

Email: nguyenthinhung@qui.edu.vn

nghiên cứu cần đặt các loại hình di sản trong mối quan hệ với hoạt động giáo dục ở nhà trường và yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh. Xuất phát từ yêu cầu đó, bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận, pháp lý và thực trạng triển khai, từ đó đề xuất hệ thống giải pháp thể chế và chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục di sản tại Quảng Ninh.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Nghiên cứu sử dụng các văn bản pháp luật, chủ trương, chính sách của Trung ương và tỉnh Quảng Ninh liên quan đến giáo dục di sản, giáo dục lịch sử - văn hóa địa phương và Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các báo cáo chuyên ngành của cơ quan quản lý giáo dục, văn hóa và tổ chức đoàn thể trong giai đoạn 2020–2023 cũng được sử dụng để đánh giá tình hình triển khai giáo dục di sản tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Phương pháp tổng kết kinh nghiệm thực tiễn: Nghiên cứu tổng hợp thông tin từ các báo cáo, tài liệu của ngành Giáo dục, ngành Văn hóa và các tổ chức liên quan để nhận diện một số hình thức giáo dục di sản đã được triển khai tại Quảng Ninh. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích một số mô hình như “Giờ học lịch sử tại Bảo tàng”, “Trường học gắn với di sản” và “Bản đồ số các địa chỉ đỏ”, đồng thời nhận diện những kết quả, hạn chế và vấn đề đặt ra trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý

3.1. Khái niệm và tiếp cận về giáo dục di sản

Di sản bao gồm những giá trị vật chất, tinh thần và các giá trị tự nhiên được hình thành, lưu giữ qua nhiều thế hệ và gắn với lịch sử, văn hóa của cộng đồng. Theo Luật Di sản văn hóa, di sản gồm DSVH và di sản thiên nhiên. DSVH được chia thành DSVH vật thể và DSVH phi vật thể; di sản thiên nhiên gắn với các giá trị về địa chất, địa mạo và đa dạng sinh học (Quốc hội, 2001, sửa đổi, bổ sung 2009).

Giáo dục di sản là việc sử dụng các giá trị của di sản trong quá trình dạy học và giáo dục HS (UNESCO, 2014). Nội dung về lịch sử, địa lý và văn hóa địa phương không chỉ được tìm hiểu qua sách giáo khoa mà còn có thể được khai thác từ các di tích, bảo tàng, danh thắng và không gian văn hóa cụ thể. Khi được trực tiếp quan sát và tìm hiểu, HS có thêm cơ hội liên hệ kiến thức đã học với thực tế địa phương. Qua đó, các em hiểu rõ hơn về giá trị của di sản và hình thành ý thức giữ gìn, bảo vệ những giá trị này. Việc học tập tại di sản cũng có thể gắn với các hoạt động tìm hiểu, thu thập tư liệu và tham gia những công việc phù hợp với điều kiện của địa phương (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; UNESCO, 2014). UNESCO (2014) cho rằng giáo dục di sản có thể gắn việc học với bối cảnh văn hóa của người học và góp phần giáo dục về phát triển bền vững.

3.2. Vai trò của giáo dục di sản trong trường học

Trong nhà trường phổ thông, giáo dục di sản giúp đưa kiến thức trong chương trình đến gần hơn với những địa điểm, sự kiện và giá trị văn hóa, tự nhiên cụ thể của địa phương (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; UNESCO, 2014). Qua đó, HS có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, đồng thời hiểu rõ hơn trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn di sản.

Thứ nhất, giúp HS gắn kiến thức đã học với thực tế và từng bước hình thành các năng lực cần thiết. Bảo tàng, di tích lịch sử, danh thắng hay các không gian văn hóa đều có thể được sử dụng làm nơi học tập, tùy theo nội dung của từng môn. Ở những địa điểm này, HS có thể quan sát hiện vật, tìm kiếm tư liệu, thực hiện nhiệm vụ do GV giao và trao đổi với nhau về kết quả tìm hiểu. Việc thu thập thông tin tại thực địa, quan sát hiện vật, trao đổi với người am hiểu di sản hoặc làm việc theo nhóm giúp HS sử dụng kiến thức đã học để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể.

Tùy từng nội dung, hoạt động học tập tại di sản có thể hỗ trợ HS phát triển năng lực môn học ở các môn Lịch sử, Địa lý, Ngữ văn, đồng thời rèn khả năng tự học, hợp tác và xử lý thông tin (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Khi tìm hiểu những di tích, địa danh và câu chuyện gắn với nơi mình sinh sống, HS cũng hiểu cụ thể hơn về lịch sử và văn hóa của quê hương. Những hiểu biết này góp phần tạo cho HS thái độ trân trọng và ý thức giữ gìn các giá trị di sản.

Thứ hai, giúp HS hiểu rõ hơn mối quan hệ giữa di sản và phát triển bền vững. Di sản không chỉ có giá trị về lịch sử, văn hóa và cảnh quan mà còn liên quan đến đời sống kinh tế, xã hội và môi trường của địa phương. UNESCO (2014) cũng đặt giáo dục di sản trong mối liên hệ với giáo dục vì phát triển bền vững. Cách tiếp cận này khá phù hợp với Quảng Ninh, bởi nhiều di sản của tỉnh hiện gắn với hoạt động du lịch, sinh kế của người dân và yêu cầu bảo vệ môi trường.

Khi tìm hiểu Vịnh Hạ Long, Yên Tử và một số di sản khác, HS có thể thấy rõ hơn mối quan hệ giữa bảo tồn di sản, phát triển du lịch và đời sống của người dân. Với các di sản thiên nhiên, HS có thể tìm hiểu về đa dạng sinh học, hệ sinh thái, việc sử dụng tài nguyên và tác động của hoạt động kinh tế, du lịch đến môi trường. Qua đó, HS có thể liên hệ kiến thức đã học với những vấn đề gần gũi như rác thải, ô nhiễm, biến đổi khí hậu và bảo vệ cảnh quan.

Về văn hóa – xã hội, việc tìm hiểu lịch sử Vùng mỏ, truyền thống ‘Kỷ luật và Đồng tâm’ và đời sống của các cộng đồng dân cư giúp HS hiểu thêm về quá trình hình thành và phát triển của Quảng Ninh (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, 2020–2023; Tỉnh ủy Quảng Ninh, 2023). Như vậy, giáo dục di sản không chỉ giúp HS hiểu kiến thức mà còn nâng cao ý thức giữ gìn những giá trị của địa phương trong quá trình phát triển và hội nhập.

3.3. Hành lang pháp lý và những định hướng chính sách

Việc đưa nội dung di sản vào giáo dục phổ thông dựa trên các quy định của pháp luật, chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những chủ trương, kế hoạch được triển khai tại tỉnh Quảng Ninh.

Thứ nhất, các quy định về DSVH và bảo vệ môi trường. Luật Di sản văn hóa quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Trong đó, giáo dục và nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ là một nội dung được đề cập (Quốc hội, 2001, sửa đổi, bổ sung 2009). Các quy định về bảo vệ môi trường cũng liên quan trực tiếp đến việc giáo dục HS về bảo vệ thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng hợp lý tài nguyên. Đây là những căn cứ để các trường khai thác DSVH và di sản thiên nhiên trong dạy học.

Thứ hai, Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT quy định Chương trình giáo dục phổ thông, trong đó có nội dung giáo dục địa phương và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Trên cơ sở này, các trường có thể tổ chức cho HS tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, địa lý và những giá trị đặc trưng của địa phương. Di sản có thể được sử dụng làm nguồn tư liệu hoặc địa điểm tổ chức hoạt động học tập trong một số môn như Lịch sử, Địa lý, Ngữ văn và trong Hoạt động trải nghiệm (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, 2020–2023).

Thứ ba, các chủ trương và kế hoạch của tỉnh Quảng Ninh. Giáo dục di sản ở Quảng Ninh gắn với định hướng xây dựng văn hóa, con người và phát triển bền vững của tỉnh. Nghị quyết số 17-NQ/TU của Tỉnh ủy Quảng Ninh xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực phục vụ phát triển nhanh và bền vững (Tỉnh ủy Quảng Ninh, 2023). Kế hoạch số 202/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa một số nhiệm vụ về phát triển văn hóa và giáo dục trên địa bàn (Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, 2022). Đây là cơ sở để các ngành, địa phương và trường học phối hợp trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh (Tỉnh ủy Quảng Ninh, 2023; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, 2022).

4. Thực trạng giáo dục di sản tại tỉnh Quảng Ninh

4.1. Đặc điểm di sản Quảng Ninh dưới góc độ nguồn học liệu địa phương

Di sản ở Quảng Ninh khá phong phú, gồm các di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa và những giá trị văn hóa hình thành trong quá trình phát triển của vùng mỏ. Nguồn di sản phong phú của tỉnh có thể được sử dụng làm tư liệu và địa điểm tổ chức các hoạt động học tập cho HS.

Thứ nhất, nhóm di sản thiên nhiên. Vịnh Hạ Long là di sản tiêu biểu của Quảng Ninh và đã được UNESCO ghi danh với các giá trị nổi bật về thẩm mỹ và địa chất - địa mạo (Sở Giáo dục và Đào tạo

tỉnh Quảng Ninh, 2020–2023). Bên cạnh đó còn có Vườn quốc gia Bái Tử Long và Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng. Những địa điểm này phù hợp với các nội dung dạy học về địa lý, khoa học tự nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu. Khi học tập tại những địa điểm này, HS có thể trực tiếp quan sát các đặc điểm tự nhiên mà qua tài liệu trên lớp các em khó hình dung đầy đủ.

Thứ hai, nhóm di tích lịch sử - văn hóa. Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa của Quảng Ninh tương đối phong phú, với 633 di tích được kiểm kê, trong đó có 8 khu di tích quốc gia đặc biệt như Yên Tử, khu di tích nhà Trần ở Đông Triều, khu di tích lịch sử và danh thắng Bạch Đằng, đền Cửa Ông (Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh, 2022). Những di tích này cung cấp nhiều tư liệu phục vụ dạy học lịch sử, văn hóa và giáo dục địa phương. Qua tham quan, tìm hiểu hiện vật và các tư liệu liên quan, HS có thể hiểu cụ thể hơn về những sự kiện, nhân vật và quá trình lịch sử gắn với Quảng Ninh.

Thứ ba, các giá trị văn hóa của cộng đồng dân cư và di sản gắn với vùng mỏ. Quảng Ninh có 22 dân tộc cùng sinh sống, trong đó có các cộng đồng Sán Dìu, Dao, Tày, Thanh Phán, Dao Thanh Y, Sán Chỉ... Mỗi cộng đồng có những phong tục, lễ hội và hình thức sinh hoạt văn hóa riêng (Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh, 2022; Tỉnh ủy Quảng Ninh, 2023). Bên cạnh đó, lịch sử khai thác than tại vùng mỏ Quảng Ninh gắn với quá trình hình thành và phát triển giai cấp công nhân Việt Nam đã để lại hệ thống di tích, tư liệu và những giá trị văn hóa gắn với vùng mỏ. Truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” là một nội dung có thể được khai thác trong giáo dục lịch sử địa phương và giáo dục truyền thống cho HS (Tỉnh ủy Quảng Ninh, 2023). Qua đó, HS hiểu thêm về quá trình hình thành quê hương, đời sống của các cộng đồng dân cư và những đóng góp của các thế hệ công nhân đối với Quảng Ninh.

4.2. Những kết quả bước đầu trong thực tiễn triển khai

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2019-2020, giáo dục địa phương được xem là nội dung bắt buộc. Theo đó, ở cấp tiểu học, nội dung giáo dục địa phương được tích hợp với hoạt động trải nghiệm. Ở cấp THCS và THPT, nội dung giáo dục địa phương có vị trí tương đương các môn học khác.

Thứ nhất, nội dung di sản được đưa vào giáo dục địa phương và một số môn học. Đến năm 2022, Quảng Ninh đã hoàn thành biên soạn và trình Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định 12 tài liệu giáo dục địa phương từ cấp tiểu học đến THPT, vượt tiến độ 3 năm so với yêu cầu của Bộ. Đến nay, 100% trường phổ thông trong tỉnh đã triển khai nội dung giáo dục địa phương theo hướng dẫn (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, 2020–2023; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, 2023). Nội dung về di sản được khai thác ở nhiều môn học và hoạt động giáo dục. Trong môn Ngữ văn, HS có thể tìm hiểu các tác phẩm, câu chuyện, truyền thuyết gắn với địa phương; ở môn Mỹ thuật, các em được tiếp cận hình ảnh, hoa văn và kiến trúc của những công trình lịch sử, văn hóa. Hoạt động trải nghiệm cũng tạo điều kiện để HS tìm hiểu trực tiếp về di tích và đời sống văn hóa ở địa phương. Nhờ đó, HS ở các địa bàn khác nhau trong tỉnh đều có điều kiện tìm hiểu những nội dung cơ bản về lịch sử, văn hóa và địa phương mình.

Thứ hai, hoạt động học tập tại di tích và bảo tàng được tổ chức ở nhiều cơ sở giáo dục. Một số mô hình như “Giờ học lịch sử tại Bảo tàng” và “Trường học gắn với di sản” đã được triển khai và bước đầu thu hút sự tham gia của HS (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, 2023). Các tài liệu của tỉnh cho biết, mỗi năm Bảo tàng Quảng Ninh và một số ban quản lý di tích như Yên Tử, đền Cửa Ông, Bạch Đằng đón trên 30.000 lượt HS đến tham quan và tìm hiểu (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, 2023; Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh, 2022). Ở các trường, hoạt động giáo dục còn được thực hiện thông qua việc phối hợp với địa phương chăm sóc di tích lịch sử, nghĩa trang liệt sĩ và những địa điểm gắn với lịch sử phong trào công nhân mỏ. Một số trường như THPT Chuyên Hạ Long, THPT Hòn Gai và THCS Mông Dương (Cẩm Phả) đã sử dụng những địa điểm này cho các hoạt động giáo dục truyền thống, sinh hoạt Đoàn - Đội và hoạt động ngoại khóa.

Thứ ba, việc sử dụng công nghệ và hoạt động Đoàn - Đội góp phần mở rộng cách tiếp cận di sản.

Tỉnh đoàn Quảng Ninh đã triển khai công trình “Bản đồ các địa chỉ đỏ - ứng dụng chuyển đổi số trong giáo dục lý tưởng cách mạng và phát triển du lịch tỉnh”, bước đầu chuẩn hóa nội dung số tại gần 40 di tích lịch sử, văn hóa và địa chỉ đỏ (Tỉnh đoàn Quảng Ninh, 2023). Thông qua mã QR và các nội dung số, HS có thể sử dụng điện thoại hoặc thiết bị thông minh để tìm hiểu thông tin về di tích ngay trong quá trình trải nghiệm. Bên cạnh đó, tại một số địa phương còn tổ chức các cuộc thi và hoạt động tìm hiểu văn hóa như “Thuyết minh viên du lịch nhí”, vẽ tranh về di sản và diễn đàn tìm hiểu văn hóa Vùng mỏ (Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh, 2022; Tỉnh đoàn Quảng Ninh, 2023). Các hoạt động trên giúp HS trực tiếp tìm hiểu và giới thiệu những giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan của địa phương.

4.3. Những hạn chế tồn tại và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc đưa di sản vào hoạt động giáo dục ở Quảng Ninh vẫn còn một số hạn chế, chủ yếu liên quan đến học liệu, cách tổ chức hoạt động, năng lực của GV và sự phối hợp giữa các đơn vị (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, 2023).

Thứ nhất, học liệu và tài liệu phục vụ hoạt động trải nghiệm còn hạn chế. Tài liệu Giáo dục địa phương hiện chủ yếu cung cấp những thông tin cơ bản về lịch sử, địa lý và văn hóa của tỉnh, trong khi tài liệu hướng dẫn GV tổ chức các hoạt động học tập tại di sản còn chưa nhiều. Các trường cũng chưa có nhiều bộ phiếu học tập, nhiệm vụ quan sát hoặc tài liệu thực hành được thiết kế riêng cho từng nhóm tuổi. Vì vậy, khi HS tiểu học, THCS và THPT cùng đến một địa điểm như Yên Tử hoặc Bảo tàng Quảng Ninh, cách tổ chức hoạt động đôi khi chưa có nhiều khác biệt giữa các cấp học, chủ yếu vẫn là nghe thuyết minh và tham quan. Cách tổ chức như vậy chưa khai thác được đầy đủ đặc điểm nhận thức và yêu cầu học tập của HS ở từng cấp học.

Thứ hai, một số hoạt động trải nghiệm còn thiên về tham quan, chưa gắn chặt với nhiệm vụ học tập. Ở một số trường, hoạt động tìm hiểu di sản còn tập trung vào tham quan, chụp ảnh, nghe giới thiệu hoặc tham gia các hoạt động vệ sinh, chăm sóc di tích (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, 2023; UNESCO, 2014). Những hoạt động này vẫn có giá trị giáo dục, nhưng ở một số trường chưa gắn rõ với nội dung và nhiệm vụ học tập cụ thể. Các hình thức như học theo dự án, tìm hiểu một vấn đề thực tế hoặc yêu cầu HS xây dựng sản phẩm sau chuyến đi chưa được sử dụng nhiều. Các vấn đề như bảo vệ môi trường, quản lý du lịch và bảo tồn Vịnh Hạ Long có thể đưa vào nhiệm vụ học tập cho HS, nhưng trên thực tế chưa được khai thác thường xuyên. Một nguyên nhân là thời lượng của chương trình chính khóa còn hạn chế; bên cạnh đó, nhà trường phải tính đến các yêu cầu về tổ chức, quản lý và bảo đảm an toàn khi đưa HS đi tham quan ngoài trường.

Thứ ba, kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục tại di sản của GV chưa đồng đều. GV Lịch sử, Địa lý, Ngữ văn và Tổng phụ trách Đội là những người thường được chọn để tham gia tổ chức các hoạt động liên quan đến di sản. Tuy nhiên, tại các trường, GV thường thực hiện nhiệm vụ này cùng với các công việc chuyên môn khác. GV cũng chưa có nhiều cơ hội được tập huấn về tổ chức lớp học tại di tích, phối hợp với hướng dẫn viên, thuyết minh viên và xây dựng nhiệm vụ học tập cho HS trong quá trình trải nghiệm. Việc đánh giá kết quả học tập sau chuyến đi trải nghiệm cũng còn khó khăn, nhất là khi sản phẩm của HS có nhiều dạng khác nhau.

Thứ tư, sự phối hợp giữa nhà trường và các đơn vị quản lý di sản chưa ổn định, đồng thời còn có sự khác biệt về điều kiện tiếp cận giữa các địa phương. Việc phối hợp giữa trường học với bảo tàng, ban quản lý di tích và những người tham gia bảo tồn văn hóa dân gian ở một số nơi vẫn phụ thuộc nhiều vào từng chương trình hoặc từng đợt hoạt động (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, 2023; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, 2022). Nếu không có cơ chế phối hợp thường xuyên, nhà trường khó duy trì hoạt động trải nghiệm theo kế hoạch lâu dài. Điều kiện tổ chức hoạt động giữa các khu vực trong tỉnh cũng có sự khác biệt. Các trường ở Hạ Long, Cẩm Phả và Uông Bí có điều kiện thuận lợi hơn về khoảng cách và phương tiện khi tổ chức cho HS đến các địa điểm di sản. Trong khi đó, các trường ở miền núi và hải đảo như Bình Liêu, Ba Chẽ, Cô Tô gặp khó khăn hơn về khoảng cách và chi phí khi tổ chức cho HS đến những địa điểm di sản ở xa.

5. Giải pháp

5.1. Chuẩn hóa nội dung, đa dạng hóa học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ trong giáo dục di sản

Trước hạn chế về học liệu, ngành Giáo dục Quảng Ninh cần phối hợp với cơ quan quản lý văn hóa xây dựng tài liệu theo từng cấp học và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong dạy học, tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Sở Giáo dục và Đào tạo cần phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng tài liệu hướng dẫn GV tổ chức hoạt động giáo dục tại di sản và các bộ phiếu học tập dùng trong quá trình tham quan, trải nghiệm (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, 2020–2023). Học liệu được thiết kế phải phù hợp theo độ tuổi và yêu cầu của từng cấp học. Đối với HS tiểu học, tài liệu nên tập trung vào nhận biết di sản thông qua tranh ảnh, câu chuyện dân gian và những địa điểm quen thuộc như hòn Trống Mái, núi Bài Thơ. HS THCS có thể thực hiện các nhiệm vụ tìm hiểu thông tin, ghi chép theo hành trình hoặc tổ chức cho các em đóng vai người giới thiệu di tích tại đền Cửa Ông, Bạch Đằng. HS THPT, nội dung yêu cầu HS phân tích những vấn đề cụ thể liên quan đến giá trị kinh tế, môi trường và bảo tồn di sản, qua đó gắn hoạt động tìm hiểu di sản với định hướng nghề nghiệp.

Bên cạnh tài liệu in, Quảng Ninh nên xây dựng một kho dữ liệu điện tử dùng chung cho GV và HS. Kho dữ liệu bao gồm bản đồ, hình ảnh, video, tư liệu về di tích, bài giảng điện tử và các tư liệu âm thanh về văn hóa dân gian như Soóng Cọ, hát Nhà gái (Tỉnh đoàn Quảng Ninh, 2023). Có một hệ thống tư liệu dùng chung sẽ thuận tiện hơn cho GV khi tìm kiếm và chuẩn bị bài, đồng thời hạn chế việc mỗi trường phải tự tìm và sử dụng những nguồn tài liệu khác nhau.

Đối với các trường ở địa bàn xa trung tâm và hải đảo như Bình Liêu, Ba Chẽ, Cô Tô, công nghệ cần được sử dụng để giảm bớt khó khăn về khoảng cách và chi phí khi tổ chức hoạt động trải nghiệm. Hệ thống mã QR tại di tích có thể tiếp tục được hoàn thiện với nội dung phù hợp với HS. Các trường có thể sử dụng hình ảnh 360 độ, video, bản đồ số hoặc một số hoạt động mô phỏng để giúp HS tìm hiểu di sản khi chưa có điều kiện đến trực tiếp (Tỉnh đoàn Quảng Ninh, 2023). Công nghệ không thay thế được việc HS trực tiếp đến di sản, nhưng có thể bổ sung nguồn tư liệu cho các giờ học. Nhờ đó, HS ở những địa bàn khó khăn vẫn có thể tiếp cận và tìm hiểu di sản của tỉnh.

5.2. Đổi mới phương pháp dạy học và đa dạng hóa hình thức tổ chức

Muốn hoạt động tìm hiểu di sản thực sự gắn với bài học, GV cần giao nhiệm vụ cụ thể cho HS trước, trong và sau chuyến trải nghiệm. Trong quá trình này, HS trực tiếp tìm hiểu tư liệu, xử lý thông tin và trình bày kết quả, thay cho cách tổ chức chủ yếu là nghe thuyết minh và tham quan theo chương trình có sẵn.

Một trong những cách có thể thực hiện là tổ chức cho HS học theo dự án. GV lựa chọn nội dung phù hợp với chương trình, sau đó giao nhiệm vụ để HS thực hiện trong một thời gian nhất định. Sản phẩm có thể là video ngắn giới thiệu một danh thắng, bài thuyết trình về một di tích, sản phẩm STEAM lấy ý tưởng từ đặc điểm địa chất của Vịnh Hạ Long hoặc hoa văn, kiến trúc thời Trần tại Yên Tử. HS thực hiện nhiệm vụ đóng vai người giới thiệu di tích sau khi tìm hiểu các tư liệu liên quan (UNESCO, 2014). Cách tổ chức này tạo điều kiện để HS tự tìm kiếm thông tin, làm việc nhóm và trình bày kết quả học tập.

Trong giáo dục di sản, các vấn đề về môi trường và phát triển bền vững cũng cần được quan tâm. Với Vịnh Hạ Long và Vườn quốc gia Bái Tử Long, GV có thể lựa chọn một số vấn đề gắn với thực tế như rác thải nhựa, bảo vệ hệ sinh thái biển, tác động của du lịch và biến đổi khí hậu để HS tìm hiểu (UNESCO, 2014). Căn cứ vào điều kiện thực tế, các trường có thể giao cho HS những nhiệm vụ như xây dựng kế hoạch giảm sử dụng nhựa dùng một lần, tìm hiểu mô hình du lịch phù hợp với môi trường hoặc đề xuất giải pháp bảo vệ cảnh quan tại các khu vực có hoạt động du lịch. Những nhiệm vụ này giúp HS liên hệ kiến thức về di sản với các vấn đề đang diễn ra tại địa phương.

Có thể thí điểm mô hình “Mỗi nhà trường - Một dự án di sản” nên được tổ chức theo hướng gắn hoạt động chăm sóc di tích với việc tìm hiểu và thu thập tư liệu. Bên cạnh việc vệ sinh, chăm sóc khuôn

viên, HS có thể được giao thêm nhiệm vụ sưu tầm hình ảnh, tài liệu và câu chuyện liên quan đến di tích; phỏng vấn nhân chứng, cựu công nhân mỏ hoặc nghệ nhân dân gian; sau đó tổng hợp thành hồ sơ giới thiệu di tích dưới dạng bản in hoặc điện tử. Sản phẩm được lưu giữ tại trường và có thể tiếp tục được sử dụng trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm hoặc sinh hoạt Đoàn - Đội.

5.3. Bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức giáo dục di sản cho đội ngũ giáo viên

Để tổ chức tốt các hoạt động giáo dục di sản, GV cần vừa nắm được kiến thức cơ bản về di sản, vừa có kỹ năng tổ chức hoạt động phù hợp với HS. Do đó, nội dung bồi dưỡng GV cần gắn với những công việc cụ thể mà GV phải thực hiện khi đưa HS đến học tập tại di tích, bảo tàng hoặc các địa điểm có giá trị tự nhiên.

Trước tiên, Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh nên đưa nội dung tổ chức giáo dục di sản vào các chương trình bồi dưỡng thường xuyên dành cho GV Lịch sử và Địa lý, Ngữ văn, Giáo dục công dân và Tổng phụ trách Đội tại các nhà trường (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, 2023). Nội dung tập huấn cần đi vào những công việc thực tế như xây dựng kế hoạch bài dạy tại di tích, chuẩn bị nhiệm vụ học tập, quản lý HS trong quá trình tham quan và xử lý các tình huống phát sinh. GV cũng cần được hướng dẫn cách xây dựng tiêu chí đánh giá đối với sản phẩm học tập của HS sau mỗi hoạt động trải nghiệm. Bên cạnh các buổi tập huấn lý thuyết, cần tăng thời lượng cho GV được khảo sát và thực hành ngay tại di tích, bảo tàng và một số địa điểm có giá trị tự nhiên của tỉnh. GV có thể cùng nhau xây dựng thử kế hoạch dạy học, phiếu nhiệm vụ và cách tổ chức hoạt động cho HS tại từng địa điểm cụ thể. Nhà trường và ngành giáo dục cũng nên phối hợp với các nhà nghiên cứu, cán bộ bảo tàng, ban quản lý di tích, chuyên gia về địa chất và những người am hiểu văn hóa dân gian để cung cấp thêm thông tin cho GV (Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh, 2022). Qua đó, GV có cơ sở lựa chọn tư liệu phù hợp với bài học và hạn chế việc sử dụng những thông tin thiếu chính xác hoặc chưa phù hợp với lứa tuổi HS.

Lựa chọn một số GV có kinh nghiệm để xây dựng nhóm GV hỗ trợ giáo dục di sản ở từng địa phương. Nhóm này nhằm chia sẻ kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, cách tổ chức hoạt động thực địa và kinh nghiệm xử lý tình huống với các trường khác. Đối với các trường ở miền núi và hải đảo, nhóm GV này có thể hỗ trợ xây dựng những hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn. Qua đó, những kinh nghiệm đã có tại một số trường được chia sẻ và sử dụng rộng hơn.

5.4. Hoàn thiện cơ chế phối hợp và chính sách hỗ trợ nguồn lực

Muốn duy trì hoạt động giáo dục di sản thường xuyên, các trường cần phối hợp với ngành Giáo dục, ngành Văn hóa, các ban quản lý di tích và chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, kinh phí tổ chức và sự tham gia của những người trực tiếp gìn giữ các giá trị văn hóa cũng cần được quan tâm.

UBND tỉnh có thể xây dựng cơ chế phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa và Thể thao, Ban Quản lý Vịnh Hạ Long, các ban quản lý di tích và chính quyền địa phương (Tỉnh ủy Quảng Ninh, 2023; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, 2022). Nội dung phối hợp cần xác định rõ nhiệm vụ của từng bên. Cơ quan quản lý văn hóa và di tích cung cấp thông tin, hỗ trợ địa điểm và phối hợp tổ chức hoạt động; ngành Giáo dục lựa chọn nội dung phù hợp với chương trình, xây dựng kế hoạch và quản lý HS; chính quyền địa phương phối hợp bảo đảm điều kiện đi lại, an ninh và an toàn trong quá trình tổ chức. Việc phân công rõ trách nhiệm ngay từ đầu sẽ giúp các bên chủ động hơn trong xây dựng kế hoạch, đồng thời hạn chế tình trạng mỗi trường tự liên hệ theo từng đợt.

Về kinh phí, tỉnh nên có chính sách hỗ trợ đối với những hoạt động giáo dục di sản được nhà trường xây dựng trong kế hoạch năm học. Trên cơ sở quy định hiện hành và khả năng ngân sách, tỉnh có thể xem xét giảm hoặc miễn một số khoản phí tham quan, dịch vụ tại các bảo tàng, di tích và danh thắng do tỉnh quản lý đối với HS tham gia hoạt động trải nghiệm. Đối với các trường ở miền núi và hải đảo như Bình Liêu, Ba Chẽ, Cô Tô, cần nghiên cứu thêm hình thức hỗ trợ chi phí đi lại khi tổ chức các chuyến học tập tại những địa điểm di sản ở xa (Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, 2022).

Cần có cơ chế phù hợp để khuyến khích nghệ nhân và những người có hiểu biết về di sản tham gia hoạt động giáo dục (Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh, 2022). Nhà trường mời nghệ nhân dân gian, người am hiểu văn hóa cộng đồng, cựu công nhân mỏ hoặc những người có kinh nghiệm thực tế đến giới thiệu, trao đổi với HS về nghề nghiệp, phong tục, tập quán và những câu chuyện gắn với địa phương. Qua đó, HS được tiếp cận thêm những thông tin và câu chuyện thực tế mà GV hoặc tài liệu học tập khó truyền tải đầy đủ.

6. Kết luận

Giáo dục di sản trong trường học giúp gắn nội dung học tập với lịch sử, văn hóa, thiên nhiên và đời sống của địa phương. Quảng Ninh có nhiều thuận lợi khi triển khai giáo dục di sản do trên địa bàn có hệ thống DSVH và thiên nhiên phong phú. Di sản đã được đưa vào nội dung giáo dục địa phương, một số môn học và hoạt động trải nghiệm; các trường trên địa bàn tỉnh từng bước tổ chức cho HS tham quan, tìm hiểu tại bảo tàng và di tích.

Tuy nhiên, việc triển khai trong thời gian qua vẫn còn một số hạn chế. Học liệu phục vụ hoạt động trải nghiệm chưa thật sự phong phú và chưa được thiết kế rõ theo từng cấp học; các hoạt động chủ yếu còn thiên về tham quan, trong khi GV tham gia hoạt động giáo dục này lại chưa có nhiều cơ hội được bồi dưỡng về tổ chức dạy học tại di sản. Công tác phối hợp giữa nhà trường với các cơ quan quản lý di sản chưa thường xuyên. Điều kiện tiếp cận di sản giữa các khu vực trong tỉnh cũng có sự khác nhau, nhất là đối với các trường ở miền núi và hải đảo.

Trên cơ sở những vấn đề nêu trên, bài viết đề xuất một số giải pháp tập trung vào xây dựng học liệu, ứng dụng công nghệ, đổi mới hoạt động trải nghiệm, bồi dưỡng GV và tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan. Đối với những địa bàn còn khó khăn tỉnh cần có hình thức hỗ trợ phù hợp để HS có cơ hội được tiếp cận di sản. Việc tổ chức giáo dục di sản cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng địa phương và nhà trường. Khi được tổ chức phù hợp, hoạt động này có thể làm cho nội dung học tập gắn với thực tế hơn, đồng thời giúp HS hiểu thêm về quê hương và có ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa, lịch sử, tự nhiên.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*. Quốc hội (2001, sửa đổi, bổ sung 2009). *Luật Di sản văn hóa*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh (2020–2023). *Bộ tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh từ lớp 1 đến lớp 12*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh (2023). *Báo cáo tổng kết công tác triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và hoạt động giáo dục địa phương giai đoạn 2020–2023*.
- Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh (2022). *Báo cáo kiểm kê và định hướng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*.
- Tỉnh ủy Quảng Ninh (2023). *Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 30/10/2023 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững*.
- Tỉnh đoàn Quảng Ninh (2023). *Báo cáo kết quả triển khai công trình thanh niên “Bản đồ số các địa chỉ đỏ” và ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền di sản lịch sử trên địa bàn tỉnh*.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2022). *Kế hoạch số 202/KH-UBND về việc thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*.
- UNESCO (2014). *Teaching and learning for a sustainable future: Heritage education*. UNESCO Publishing.